

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TƯỢNG PHẬT VÀ BẠC THANG

Chuyện rằng, người ta lấy đá từ một ngọn núi để tạc tượng Phật và làm những bậc thang dẫn lên bức tượng Phật đá ấy.

Chúng kiến bức tượng Phật bằng đá ngày ngày được người người đến chiêm bái, hương hoa đủ đầy, những bậc cầu thang bằng đá cảm thấy vô cùng bất mãn.

Một ngày nọ, những bậc thang bức tức nói với bức tượng Phật đá rằng: “Chúng ta vốn dĩ cùng được làm bằng đá, há có làm sao tượng Phật lại được người đời sùng bái, tôn kính hết lòng. Còn những bậc thang đá là chúng tôi đây lại ngày ngày bị người ta dẫm đạp lên?”

Bức tượng Phật đá ôn tồn trả lời: “Các người chỉ phải chịu bốn nhát dao để có được hình hài đó. Còn ta phải trải qua hàng trăm, hàng nghìn nhát dao đục đẽo, chịu muôn vàn đau đớn mới thành hình như bây giờ.”

Nghe câu trả lời của bức tượng Phật đá, những bậc thang đá chỉ biết im lặng.

(Trích theo nguồn Internet)

Câu 1: Trả lời các câu hỏi sau bằng cách chọn đáp án đúng.

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

- A. Tự sự
B. Miêu tả
C. Nghị luận
D. Biểu cảm

2. Văn bản trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyện ngắn.
B. Truyện ngụ ngôn.
C. Truyện cười.
D. Truyện cổ tích.

3. Nguyên nhân nào làm cho “những bậc cầu thang bằng đá cảm thấy vô cùng bất mãn” và “bức tức”?

- A. Vì người đời đem chúng làm bậc thang mà không tạc chúng thành hình pho tượng Phật.
B. Cùng được làm bằng đá, tượng Phật được người đời sùng bái, tôn kính, còn những bậc thang lại ngày ngày bị dẫm đạp lên.
C. Vì chúng phải làm nhiệm vụ dẫn mọi người lên chiêm bái bức tượng Phật.
D. Vì câu trả lời của bức tượng Phật đá khiến bậc thang không hài lòng.

4. Phép liên kết câu được sử dụng trong các câu: “Các người chỉ phải chịu bốn nhát dao để có được hình hài đó. Còn ta phải trải qua hàng trăm, hàng nghìn nhát dao đục đẽo, chịu muôn vàn đau đớn mới thành hình như bây giờ.” là:

- A. phép nối, phép thế.
B. phép liên tưởng, phép lặp.
C. phép lặp, phép thế.
D. phép lặp, phép nối.

5. Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

- A. Bức tức.
C. Đau đớn.

B. Ôn tồn.

D. Đục đẽo.

6. Vì sao khi “Nghe câu trả lời của bức tượng Phật đá, những bậc thang đá chỉ biết im lặng”?

A. Chúng không đồng tình với cách lí giải của pho tượng Phật nhưng không muốn tranh cãi thêm nữa.

B. Chúng thầm ước bản thân cũng được người đời yêu quý, tôn kính giống như pho tượng Phật kia.

C. Chúng đã hiểu ra nguyên nhân người đời đối xử trái ngược giữa mình với pho tượng Phật.

D. Chúng hiểu ra và ân hận vì bản thân đã không nén chịu được khổ sở, đón đau nên im lặng chấp nhận số phận bị đối xử tương xứng với những gì mình đã trải qua.

Câu 2: (2,0 điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu văn sau: “*Các người chỉ phải chịu bốn nhát dao để có được hình hài đó. Còn ta phải trải qua hàng trăm, hàng nghìn nhát dao đục đẽo, chịu muôn vàn đau đớn mới thành hình như bây giờ.*” (Trình bày 7-9 dòng)

Câu 3: (1,0 điểm).

PHẦN II. LÀM VĂN (14 điểm)

Câu 5 (6,0 điểm):

Từ nội dung trích phần Đọc hiểu, em hãy viết một bài nghị luận ngắn (khoảng 1,5 trang giấy thi) nêu suy nghĩ về ý kiến: ***Sự cần thiết của việc trải nghiệm những hoàn cảnh khó khăn, thử thách để con người trưởng thành hơn.***

Câu 6 (8,0 điểm)

Trong bài “Sổ tay thơ”, Chế Lan Viên có viết:

*“Bài thơ anh, anh làm một nửa mà thôi
Còn một nửa, cho mùa thu làm lấy”*

Hãy giải thích ý thơ trên. Phân tích đoạn thơ sau để làm rõ ý kiến của em:

*“Trong gió nóng những trưa hè ngọt ngạt
Mẹ ru tôi hạt cát sạn hàm răng
Vừa lớn khôn tôi đã biết đào hầm
Dưới bom đạn gió Lào vẫn thổi
Và trên cát lại thêm cồn cát mới
Cỏ mặt trời lăn như bánh xe
Cuộc đời tôi có cát chở che
Khi đánh giặc cát lại làm công sự
Máu đồng đội và máu tôi đã đổ
Trên cát này mà gió quạt vừa se
Cây tôi trồng chưa đủ bóng che
Bom giặc cắt lá cành tôi tả
Củ khoai ở đây nhỏ hơn củ khoai cánh đồng màu mỡ*

*Trái mãng cầu rám vỏ - gió đi qua
Động nắng thổi, cát chằng động mưa
Bàn chân lún bàn chân thêm bóng rát
Giữa gió cát, giữa những ngày ác liệt
Tôi nghĩ về tha thiết một màu xanh
Một rừng cây trĩu quả trên cành
Tôi vun gốc và tay tôi sẽ hái*

Nhà của tôi, tôi sẽ về dựng lại
Ánh ngói hồng những gương mặt mai sau.”
(Trích **Gió Lào cát trắng** - Xuân Quỳnh, *Xuân Quỳnh tác phẩm và lời bình*, NXB Văn học, 2011, tr.28-29)

----- Hết -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:

Chữ kí của giám thị 1:..... Chữ kí của giám thị 2:.....

I. Hướng dẫn chung

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.

- Hướng dẫn chấm chỉ nêu những gợi ý có tính chất định hướng, giám khảo có thể vận dụng linh hoạt, tránh cứng nhắc và nên cân nhắc trong từng trường hợp cụ thể để phát hiện những bài làm thể hiện tố chất của học sinh giỏi (*kiến thức vững chắc, năng lực cảm thụ sâu sắc, tinh tế, kỹ năng làm bài tốt...*); đặc biệt khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách riêng.

- Giám khảo đánh giá bài làm của học sinh trên cả hai phương diện: kiến thức và kỹ năng. Chỉ cho điểm tối đa ở mỗi ý khi thí sinh đạt được yêu cầu cả về nội dung kiến thức và kỹ năng. Với những câu mắc các lỗi về kỹ năng, giáo viên trừ tối đa 1,0 điểm trong tổng số điểm toàn câu.

- Điểm toàn bài là 20 điểm, chi tiết đến 0,25 điểm (không làm tròn số).

II. Đáp án và thang điểm

CÂU	MỘT SỐ GỢI Ý CHÍNH	ĐIỂM												
PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)														
1	Chọn mỗi ý trả lời đúng được 0,5 điểm:	3.0												
	<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Câu</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đáp án</td> <td>A</td> <td>B</td> <td>B</td> <td>D</td> <td>C</td> <td>D</td> </tr> </tbody> </table>		Câu	1	2	3	4	5	6	Đáp án	A	B	B	D
Câu	1	2	3	4	5	6								
Đáp án	A	B	B	D	C	D								
3	<p>* Yêu cầu về hình thức: Đảm bảo hình thức đoạn văn, số câu, chính tả, diễn đạt mạch lạc, ngữ pháp chuẩn Tiếng Việt...</p> <p>* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh gọi được đúng tên biện pháp tu từ, chỉ ra được tín hiệu ngôn ngữ và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ đó.</p> <p><u>Ví dụ:</u></p> <p>- Biện pháp tu từ ẩn dụ:</p> <p>+ “chịu bốn nhát dao”: gợi hình ảnh những người không chịu được khổ cực, đắng cay, chỉ muốn đi trên con đường bằng phẳng, dễ dàng.</p> <p>+ “trái qua hàng trăm, hàng nghìn nhát dao đục đẽo, chịu muôn vàn đau đớn”: tượng trưng cho vô vàn gian khó, trở ngại, đau đớn mà mỗi một người đều phải trải qua nếu muốn đón nhận những điều tốt đẹp.</p>	0.5												
	<p>- Tác dụng:</p> <p>+ Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt</p> <p>+ Gợi liên tưởng, suy nghĩ về quá trình con người vươn tới thành công cần phải được tôi luyện, sẵn sàng dần thân, không ngại gian khổ, hiểm nguy... Càng chịu nhiều thử thách, chông gai, con người càng trưởng thành, bản lĩnh hơn.</p> <p>+ Ca ngợi những người dũng cảm, kiên trì chịu đựng vất vả, khó khăn, không dễ đầu hàng, buông xuôi trước những nghịch cảnh trong cuộc sống.</p>	0.5												
4	- Học sinh nêu được thông điệp có ý nghĩa.	0.5												
	- Lí giải thuyết phục, hợp lí thông điệp đã nêu.	0.5												
	Ví dụ: Muốn đạt được ước mơ, sự thành công phải chịu nhiều gian nan, phải trải qua quá trình rèn giũa, kiên trì, rèn sức chịu đựng bền bỉ thì mới có thể chạm tới những điều người khác không có được.													

PHẦN II. LÀM VĂN

1 (6,0 điểm)	Từ nội dung trích phần Đọc hiểu, em hãy viết một bài nghị luận ngắn (khoảng 1,5 trang giấy thi) nêu suy nghĩ về ý kiến “<i>Sự cần thiết của việc trải nghiệm những hoàn cảnh khó khăn, thử thách để con người trưởng thành hơn.</i>”	
	a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; thân bài làm rõ vấn đề nghị luận, triển khai được luận điểm; kết bài khái quát được nội dung nghị luận.	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Sự cần thiết của việc trải nghiệm những hoàn cảnh khó khăn, thử thách để con người trưởng thành hơn.	0.25
	c. HS triển khai vấn đề nghị luận cụ thể, rõ ràng. Có thể trình bày hợp lý theo định hướng sau: 1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận: <i>Sự cần thiết của việc trải nghiệm những hoàn cảnh khó khăn, thử thách để con người trưởng thành hơn.</i>	0.25
	2. Thân bài: a. Giải thích: - Trong câu chuyện, bậc thang và pho tượng đều phải chịu đựng “những nhát dao” để tạc nên hình hài. + Vì bậc thang chỉ phải “chịu bốn nhát dao” nên kết cục bị coi thường, chà đạp. + Pho tượng Phật “trải qua hàng trăm, hàng nghìn nhát dao đục đẽo, đau đớn” nên được người đời “sùng bái, tôn kính hết lòng”. - Hình ảnh những bậc thang và pho tượng Phật là ẩn dụ mang đến cho người đọc bài học về việc trải nghiệm khó khăn, thử thách để trưởng thành. + “Trải nghiệm”: là việc con người học hỏi và tự rút ra bài học cho bản thân, từ đó hoàn thiện và phát triển bản thân mình theo chiều hướng tích cực hơn. + “Khó khăn”, “thử thách”: là những chông gai, bão giông mà con người cần trải qua và đối diện. + “Trưởng thành”: là sự lớn lên trong việc nhìn nhận, tiếp thu và xử lý các vấn đề của cuộc sống. -> Đời người không tránh khỏi những thử thách đau đớn, buồn khổ và gục ngã, nhưng trải nghiệm nó là cơ hội để mỗi chúng ta sẽ trưởng thành và trở nên tốt đẹp hơn.	0.75
* Phân tích. - Trong cuộc đời, con người thường phải trải qua nhiều môi trường, hoàn cảnh sống khác nhau: bình lặng hay sóng gió, thuận lợi hoặc khó khăn... - Khi chỉ sống trong môi trường bình lặng, thiếu thử thách, con người dễ thiếu bản lĩnh, thiếu hiểu biết, khó bộc lộ hết khả năng, giá trị bản thân, khó có được sự phát triển mạnh mẽ, khi gặp những khó khăn, thử thách dễ thất bại, gục ngã, không được người khác tôn trọng, đánh giá cao. - Việc trải nghiệm những hoàn cảnh sống khó khăn, thử thách và vượt qua được điều đó có vai trò cần thiết, quan trọng với con người: + Giúp con người hiểu biết, trải nghiệm nhiều hoàn cảnh sống hơn, có nhiều kinh nghiệm hơn. + Giúp tôi luyện ý chí, bản lĩnh, nỗ lực, vững vàng vượt qua những khó khăn, thử thách. + Giúp con người sống năng động, linh hoạt, chủ động để thích nghi và	2.0	

	<p>làm chủ hoàn cảnh. + Giúp con người bộc lộ được khả năng, vẻ đẹp, giá trị để trưởng thành hơn, thành công hơn, được mọi người yêu quý, tôn trọng và nể phục. (<i>Thí sinh cần lấy dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục</i>)</p>	
	<p>* Bàn luận - Mở rộng: - Cuộc sống không trải qua những thử thách, bản thân sẽ vô cùng nghèo nàn, nhạt nhẽo. - Phê phán những người sống an phận, ngại đối mặt với những khó khăn của cuộc sống bên ngoài, hoặc khi đối mặt với khó khăn, thử thách dễ gục ngã, thất bại. - Cần biết trân trọng cuộc sống bình yên, hoàn cảnh sống thuận lợi; không phải lúc nào cũng đối mặt với sóng gió hiểm nguy vì dễ tổn hại đến bản thân và người khác.</p>	0.25 0.25 0.25
	<p>* Bài học: - Nhận thức được ý nghĩa và sự cần thiết của việc trải nghiệm hoàn cảnh khó khăn, thử thách để con người phát triển tốt đẹp hơn, thành công hơn trong cuộc sống. - Xây dựng cho mình lối sống tích cực, chủ động, bản lĩnh. - Học sinh cần chăm chỉ, sáng tạo trong học tập, trau dồi đạo đức (đặc biệt rèn luyện cho mình lòng dũng cảm, sự tự tin khi đối mặt với thử thách, khó khăn), tích cực rèn luyện kỹ năng sống để trở thành chủ nhân tương lai của đất nước....</p>	0.5 0.5
	<p>3. Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa của vấn đề Vấn đề đặt ra trong câu chuyện là quan điểm đúng đắn, là bài học quý giá và khích lệ mọi người cần tôi luyện bản thân, biết thích nghi với hoàn cảnh để vượt qua thử thách nhằm phát triển bản thân mình.</p>	0.25
	<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo những quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0.25
	<p>e. Sáng tạo: có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề. Có dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục.</p>	0.25
2 (8,0 điểm)	<p>1. Yêu cầu về kỹ năng</p>	
	<p>- Biết cách làm đúng kiểu bài nghị luận văn học: làm rõ một vấn đề lí luận qua việc cảm nhận một bài thơ. Thể hiện được kỹ năng giải thích, phân tích, cảm thụ tác phẩm, sử dụng, kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận và các phương thức biểu đạt; - Bố cục bài viết sáng rõ, mạch lạc, lập luận chặt chẽ. Hành văn lưu loát, trong sáng, có cảm xúc.</p>	
	<p>2. Yêu cầu về kiến thức</p>	
	<p>- Đánh giá khả năng hiểu một vấn đề lí luận qua việc cảm thụ của học sinh về một tác phẩm thơ cụ thể ngoài chương trình đồng dạng với văn bản đã học. - Thí sinh có thể viết bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo những nội dung cơ bản sau:</p>	
	<p>1. Mở bài - Dẫn dắt, nêu ý kiến của Chế Lan Viên. - Giới thiệu bài thơ “<i>Gió Lào cát trắng</i>” của Xuân Quỳnh. - Khái quát vấn đề nghị luận và trích dẫn đoạn thơ.</p>	0,5
	<p>2. Thân bài</p>	

	<p>2.1. Giải thích.</p> <p>- “<i>Bài thơ anh, anh làm một nửa</i>”: là nói đến vai trò quan trọng của người nghệ sĩ trong việc sáng tạo nghệ thuật. Một tác phẩm nghệ thuật ra đời trước hết nhờ tài năng và những rung động tinh tế trong tâm hồn nhà thơ.</p> <p>- “<i>Một nửa cho mùa thu làm lấy</i>”: thơ bắt nguồn từ cuộc đời, chất hiện thực góp phần không nhỏ để nghệ sĩ viết nên tác phẩm của mình.</p> <p>-> Chế Lan Viên đề cao mối quan hệ giữa hiện thực đời sống với cảm xúc của nhà thơ. Cảm xúc của nhà thơ và cuộc sống là hai thi liệu cần thiết cho sự sáng tạo, và chính chúng sẽ cùng nhau tạo nên một tác phẩm lớn, một chỉnh thể thẩm mỹ có sức sống lâu bền.</p>	<p>0.75</p> <p>0.25</p>
	<p>2.2. Phân tích, chứng minh bài thơ để làm sáng tỏ ý kiến</p> <p>a. Giới thiệu về tác giả, tác phẩm</p> <p>- Nữ sĩ Xuân Quỳnh, tên thật là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh (1942 – 1988) nổi tiếng trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam bởi những trang thơ luôn chứa đầy cảm xúc dịu dàng và sâu lắng, e ấp, nhẹ nhàng nhưng ẩn chứa sức sống dồi dào và khát khao mãnh liệt.</p> <p>- Những năm chống Mỹ, Quảng Bình là “điểm nóng”, với nhiệt huyết tuổi trẻ, Xuân Quỳnh đã đến sống, chiến đấu, làm việc dưới tầm bom, pháo giặc một thời gian dài. Bài thơ “<i>Gió Lào cát trắng</i>”, viết năm 1969, trích từ tập thơ cùng tên đã trở thành một thi phẩm xuất sắc của nhà thơ Xuân Quỳnh.</p> <p>- Bài thơ viết theo thể thơ tự do. Đoạn thơ gồm 22 câu thơ thuộc khổ thơ thứ hai và thứ ba trong tổng số bốn khổ của bài thơ. Mạch cảm xúc của bài thơ được khơi gợi từ hiện thực cuộc sống miền đất Quảng Bình gió Lào rất mặt, cát trắng bỏng chân và bom đạn chiến tranh, từ đó nhà thơ bày tỏ tình yêu, sự gắn bó với quê hương, niềm lạc quan, tin tưởng và khát khao xây dựng quê hương tươi đẹp.</p>	<p>0.5</p>
	<p>b. Luận điểm.</p> <p>b.1. Sức hấp dẫn của “<i>Gió Lào cát trắng</i>” trước hết ở sự ùa vào trong từng câu chữ chất liệu hiện thực sống động, khắc nghiệt mang dấu ấn của vùng đất Quảng Bình.</p> <p>* Hiện thực của thiên nhiên khắc nghiệt nơi xứ sở của “gió” và “cát”.</p> <p>- Hình ảnh “gió”:</p> <p>+ Từ láy “<i>ngột ngạt</i>”: cảm giác bức bối, khó chịu bao bọc tứ phía không gian.</p> <p>+ Có 5 lần “tôi” nhắc về “gió”: “<i>gió nóng những trưa hè ngột ngạt</i>”, “<i>gió Lào vẫn thổi</i>”, “<i>gió quạt vừa se</i>”, “<i>trái măng cầu râm vỏ - gió đi qua</i>”, “<i>giữa gió cát</i>” -> Ngọn gió Lào trú ngụ ngàn đời trên mảnh đất miền Trung không phải là những cơn gió mát rượi, trong lành, mà rào rạt từng đợt quạt lửa, rất bỏng, thiêu đốt hằm hập không gian, bỏng rát mặt người.</p> <p>+ Hình ảnh nhân hóa: “<i>gió Lào vẫn thổi</i>”, “<i>gió quạt</i>”, “<i>gió đi qua</i>”, một loạt các động từ “<i>thổi, quạt, đi qua</i>”, việc khắc họa hình ảnh các sự vật dưới cái nóng khô của gió: “<i>Trái măng cầu râm vỏ - gió đi qua</i>”, máu vừa đổ thì đã “<i>gió quạt vừa se</i>” gợi ra những đợt gió thổi liên tục, chẳng giây phút nào ngừng, càng lúc càng nhiều, càng nhanh và càng mạnh. Gió làm khô quắt, bỏng rát, chín lừ tất cả những gì nó lướt qua. Đất Quảng Bình oằn mình trong sự nung đỏ hừng hực của nắng gió.</p> <p>- Hình ảnh “cát”:</p> <p>+ Hình ảnh song hành sóng đôi “cát” luôn đi liền với “gió” như nhân lên</p>	<p>1.5</p>

	<p>gấp đôi thử thách, khó nhọc đối với con người. Dưới sức thổi của những cơn “bão Lào”, cát lại chồng thêm cát cao hơn, dài hơn và rộng hơn “<i>trên cát lại thêm còn cát mới</i>”</p> <p>+ Có 8 lần “tôi” nhắc về cát bằng những hình ảnh tả thực: “<i>Mẹ ru tôi hạt cát sạn hàm răng</i>”, “<i>trên cát lại thêm còn cát mới</i>”, “<i>cát chớ che</i>”, “<i>cát lại làm cộng sự</i>”, “<i>trên cát này mà gió quạt vừa se</i>”, “<i>động nắng thôi, cát chẳng động mưa</i>”, “<i>giữa gió cát</i>” gọi ra những trảng cát mênh mông, đâu đâu cũng là những cồn cát trắng đến lóa mắt người nhìn.</p> <p>+ Hình ảnh con người tảo tần trong cát: “<i>hạt cát sạn hàm răng</i>”, “<i>bàn chân bỏng rát</i>”; hình ảnh cây cối còi cọc trong cát “<i>cây chưa đủ bóng che</i>”; hình ảnh so sánh “<i>Củ khoai ở đây nhỏ hơn củ khoai cánh đồng màu mỡ</i>”, “<i>cỏ mặt trời lăn như bánh xe</i>” gọi hình dung cát khô giòn đến độ làm khô quắt sự sống, cây cối yếu ớt, rạp mình trên mảnh đất cằn cỗi.</p> <p>+ Hình ảnh đối lập: “<i>Động nắng - chẳng động mưa</i>”, điệp ngữ “<i>động, bàn chân</i>”, hình ảnh có ý nghĩa tăng tiến “<i>Bàn chân lún bàn chân thêm bỏng rát</i>” thể hiện những trăn trở, day dứt của Xuân Quỳnh về cuộc sống lam lũ, nghèo đói, thiếu thốn của vùng đất “<i>nắng nẻ mưa nguồn</i>”.</p> <p>-> Nói về thiên nhiên khắc nghiệt, những câu thơ không chỉ động lại trong người đọc cảm giác bỏng rát của gió, bỏng rộp của cát, cái mặn mòi kết đọng của mồ hôi mà còn có cả vị của nhọc nhằn, tảo tần thâm lặng của cuộc sống con người.</p>	
	<p>* Hiện thực của chiến tranh ác liệt.</p> <p>- Hình ảnh đối lập “<i>Dưới bom đạn – Trên cát</i>”, câu thơ “<i>Giữa gió cát, giữa những ngày ác liệt</i>” vẽ ra các chiều không gian kết đọng, dồn tụ tất cả những khó nhọc, thương đau mà vùng đất Quảng Bình phải gánh chịu, hết nắng lửa lại đến chiến tranh, cái nóng của gió cát cộng hưởng cùng cái nóng của bom rơi đạn nổ biến Quảng Bình thành chảo lửa.</p> <p>- Liệt kê một loạt các hình ảnh: “<i>đào hầm</i>”, “<i>bom đạn</i>”, “<i>Máu đồng đội và máu tôi đã đổ</i>”, “<i>Bom giặc cắt lá cành tôi tả</i>”, “<i>những ngày ác liệt</i>”, hoán dụ “<i>máu đồng đội và máu tôi đã đổ</i>”, nhân hóa “<i>Bom giặc cắt lá cành tôi tả</i>”, từ láy “<i>tôi tả</i>” tạc nên khung cảnh tan nát, đau thương. Cát trắng thấm máu đỏ đầy hi sinh, mất mát.</p> <p>-> Những câu thơ ngắn gọn, giản dị, âm điệu tâm tình, thủ thi, nặng trĩu yêu thương nhưng không bi lụy, “tôi” như đang chầm chậm kể với người đọc nỗi vất vả, khó khăn của quê hương, giấu vào trong thơ những nỗi buồn không bật ra thành tiếng. Người đọc tìm thấy trong những hình ảnh gian khó nét đặc trưng của mảnh đất Quảng Bình.</p>	1.0
	<p>b.2. Vẻ đẹp của đoạn thơ còn được góp nên từ hồn thơ tinh tế và tài năng sáng tạo của nhà thơ Xuân Quỳnh.</p> <p>* Sức hấp dẫn của bài thơ đến từ những tình cảm, cảm xúc nồng hậu, trong trẻo và đậm thắm trong tâm hồn “tôi” khi nói về quê hương.</p> <p>- Tình cảm thủy chung, gắn bó son sắt với quê hương: Một đời người từ khi còn thơ bé đến khi trưởng thành luôn gắn bó với gió cát “<i>Sống trong cát, chết vùi trong cát</i>”:</p> <p>+ Xót xa những cuộc đời lớn lên trong gió cát, thương lời ru ban trưa buồn buồn lẫn trong “<i>hạt cát sạn hàm răng</i>” mẹ đã ru lớn những người con.</p> <p>+ Biết ơn cát đã chớ che những ngày chiến tranh khói lửa: “<i>Cuộc đời tôi có cát chớ che/Khi đánh giặc cát lại làm cộng sự</i>”. Cát được nhân hóa trở</p>	1.25

	<p>thành người bạn, người đồng chí, đồng đội, cùng đồng hành, chiến đấu, cùng bao bọc, yêu thương và che chở con người. Cái dữ dội, khắc nghiệt của thiên nhiên lại chứa đựng tình người.</p> <p>+ Thương yêu những con người cần cù, chắt chiu, chịu thương chịu khó mưu sinh trên cát gió khô cằn: “<i>cây tôi trồng</i>”, “<i>củ khoai</i>”, “<i>trái măng cầu</i>”. Dù cho quê hương còn nhiều gian khó, “tôi” cũng như bao người dân quê vẫn quyết tâm bám trụ, mang sự sống bạt trọi trên “mảnh đất nghèo mông toi không kịp rớt”. Sự khắc nghiệt của thiên nhiên đã tôi luyện cho người dân quê hương những khí chất đặc biệt, đó là sự bản lĩnh kiên cường, vượt khó.</p> <p>-> “Tôi” nhận ra trong cái khắc nghiệt, khô cằn của thiên nhiên và nổi vất vả của con người là nét đẹp riêng của quê hương, thấy bao yêu thương đầm sâu đã lắng lại, niềm đồng cảm và trân trọng đã đọng mật ngọt ngào.</p> <p>- Từ tình yêu với quê hương, trong tâm hồn “tôi” lại rạo rức, lấp lánh niềm lạc quan, tin tưởng về một tương lai tươi sáng.</p> <p>+ Liệt kê, ẩn dụ: “<i>một màu xanh</i>”, “<i>một rừng cây trĩu quả trên cành</i>”, “<i>nhà dựng lại</i>”, “<i>ánh ngói hồng</i>”, “<i>những gương mặt mai sau</i>”; những sự vật đầy sắc màu tươi sáng “xanh” của lá cành trong gió, “hồng” của mái ngói trong nắng, ở trạng thái tươi tốt, nảy nở, sinh sôi “trĩu quả”, “sẽ hái” ngay trên đất cát khô cằn biểu thị cho khát vọng quê hương bình yên, tươi đẹp. Xuân Quỳnh đã đưa người đọc về với những khung cảnh khô rạc, biết ơn cái rát bỏng đã đem đến cho con người sự dẻo dai, nương tựa, tạo nên trong họ nét xanh tươi bền bỉ tựa như những cây cỏ quê hương vươn mình đón gió cát.</p> <p>+ Trong tâm hồn nảy sinh bao khát vọng và ước muốn: “<i>nghĩ về tha thiết</i>”, thặng hoa thành quyết tâm, hành động: “<i>vun gốc</i>”, “<i>sẽ hái</i>”, “<i>dựng lại</i>”. Ẩn dụ kết hợp các động từ đã nhấn mạnh sau mỗi trận gió thổi, cát bay, bom đạn bắn phá, người dân quê hương lại dạt dào khát vọng sống, khát vọng đứng lên hồi sinh vùng đất lửa.</p> <p>-> Tình yêu và lòng tự hào về quê hương yêu dấu chính là khởi nguồn cho tinh thần nghị lực, giàu bản lĩnh, kiên cường, mạnh mẽ vượt lên khó khăn, gian khổ trong cuộc sống, anh hùng trong chiến đấu đánh giặc, sẵn sàng đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc, quyết chí lao động xây dựng quê hương tươi đẹp.</p>	
	<p>* Nét đẹp trong những sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>- Sử dụng thể thơ tự do tạo ra những cảm xúc dào dạt.</p> <p>- Lời thơ giản dị, mộc mạc, những hình ảnh vừa cụ thể, gần gũi vừa mang ý nghĩa biểu tượng mang nét đặc trưng của vùng đất miền Trung đầy nắng gió. Nhờ vậy, cảm hứng cất lên từ hiện thực, hòa quyện nhuần nhị mà thành thơ.</p> <p>- Giọng thơ dịu dàng, sâu lắng xen lẫn sự lạc quan, tin tưởng, vượt lên trên những ngày bóng râm của chiến tranh ở một vùng giới tuyến không một phút yên bình.</p> <p>- Các biện pháp tu từ: Hình ảnh song hành, ẩn dụ, so sánh, nhân hóa..</p>	0.75
	<p>2.3. Đánh giá, mở rộng:</p> <p>- Ý kiến của Chế Lan Viên giúp người đọc có thêm tiêu chí để đánh giá về cái đẹp của văn chương và trân trọng tài năng của người sáng tác.</p> <p>- Hai khổ thơ trong “Gió Lào cát trắng” của Xuân Quỳnh là minh chứng</p>	1.0

	<p>sáng rõ cho thấy cái tình của người viết và hiện thực cuộc sống là hai chất liệu quan trọng trong quá trình hình thành thành phẩm chất sáng tạo. Xuân Quỳnh đã đem hiện thực đầy nắng, gió, cát và chiến tranh ác liệt ở Quảng Bình đặt vào trong trái tim đồng cảm, thấu hiểu và chan chứa tình cảm trân trọng, yêu thương, trách nhiệm. Cả hai vật liệu hiện thực và vật liệu trái tim đều nắm phần nửa của một bài thơ, thiếu dù chỉ một trong hai yếu tố thì bài thơ sẽ không còn hoàn chỉnh.</p> <p>- Ý kiến còn góp phần định hướng cho người đọc trong việc tiếp cận, khám phá tác phẩm cũng như đặt ra cho người nghệ sĩ bài học quý giá trong sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>+ Nhà thơ phải gắn bó, có những trải nghiệm phong phú với đời sống... nỗ lực không ngừng trong hoạt động sáng tạo, phải biết “lượm lặt những hạt thơ trên luống đất của người dân cày, ấp ủ chúng nơi trái tim” (Pauxtopxki).</p> <p>+ Người đọc cần có sự đồng cảm sâu sắc...thấu hiểu giá trị tư tưởng, nghệ thuật mới mẻ, độc đáo của tác phẩm, thấy được cảm xúc của nhà thơ gửi gắm và vẻ đẹp cuộc sống mà anh miêu tả.</p>	
	<p>c. Kết bài</p> <p>- Khẳng định lại nhận định và vẻ đẹp của bài thơ.</p> <p>- Liên hệ bản thân</p>	0.5
	Cộng	20,0

-----Hết-----